

Số: 419/2024/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 04 tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 165/2024/HNST ngày 20 tháng 03 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Bà **Trương Sỹ Hải Y**, sinh năm 1991

Địa chỉ: **Số D đường G, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Tạm trú: **C5.10 chung cư R, đường I, N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Ông **Vũ Việt H**, sinh năm 1982

Địa chỉ: **Số F đường D, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** qua thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 97 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/07/2020).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay.

Hiện nay, bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** xác nhận có 01 con chung, họ tên là: **Vũ Minh Đ** (nam), sinh ngày 07/8/2020.

Cả hai thoả thuận sau khi ly hôn, bà **Trương Sỹ Hải Y** là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ **Vũ Minh Đ**, sinh ngày 07/8/2020, ông **Vũ Việt H** cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan thi hành án.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 97 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/7/2020 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** xác nhận có 01 con chung, họ tên là: **Vũ Minh Đ** (nam), sinh ngày 07/8/2020.

Cả hai thoả thuận sau khi ly hôn, bà **Trương Sỹ Hải Y** là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ **Vũ Minh Đ**, sinh ngày 07/8/2020, ông **Vũ Việt H** cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng. Cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, không yêu cầu cơ quan thi hành án.

Ông **Vũ Việt H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà **Trương Sỹ Hải Y** và ông **Vũ Việt H** phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AA/2023/0038151 ngày 20/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà **Y** và ông **H** đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/ q đã thực hiện việc Đ KKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk V.Phương).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy